



BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

Số 43, Tháng 3-4, 1999

2001 Talmage Road, Talmage, CA 95481- 0217

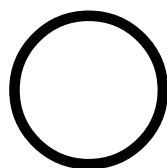


Độc trong số này

- Khai Thị:
Số Không: Kho Tàng Sáng Suốt Vĩ Đại Của Tự Tánh.
- Kim Cang Kinh Thiển Thích
Phần 7: Vô Đắc Vô Thuyết
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm
- Đại Bi Chú Cứ Giải
- Thông Báo
- HT Hư Vân Họa Truyện #16. Thọ Cụ Túc Bảo Giới.

Phát Hành

*Dharma Realm Buddhist Assn.
Gold Sage Monastery
(Tu Viện Kim Thánh)
11455 Clayton Road
San Jose, CA 95127
Tel. (408) 923 - 2700
(408) 923 - 7243
Fax. (408) 923 - 1064
email: bodehai@hotmail.com
WWW.saigon.com/~fopusa*



Kho Tàng Sáng Suốt

Vĩ Đại Của Tự Tánh

**Zero: The Bright Store of
Your Own Nature**

Ven. Master Hsuan Hua

Living beings are born without a beginning, and die without an end. Without beginning and without end, they transmigrate, revolving in birth and death. Living beings revolve and turn in this beginningless and endless transmigration like dust motes: suddenly up in the heavens, suddenly down on the earth. Just as suddenly they are born as hungry ghosts, or humans, or animals, or hell-dwellers, or asuras. Ah! There is no time at which it all begins, and no time when it ends. It is only when you realize the fruition and become a Buddha that you stop transmigrating in birth and death. Before you become a Buddha, you keep revolving in transmigration. It is said, "Even Bodhisattvas get confused after having gone

Chúng sinh sinh ra từ vô thủy, chết ở vô chung, trôi lăn trong vòng sống chết. Chúng sinh trong cõi luân hồi vô thủy vô chung ấy đến rồi đi, đi rồi đến giống như hạt bụi nhỏ, phút chốc bồng sinh trên trời, bồng chốc sinh trên mặt đất, sinh trong loài người, hoặc sinh làm thú vật, hay sinh ở địa ngục hay sinh trong loài Atula. Không có lúc khởi đầu, cũng chẳng có lúc chấm dứt. Chỉ đến khi nào bạn đạt được quả vị Phật, bạn mới chấm dứt được luân hồi sinh tử. Nhưng trước khi trở thành Phật, bạn vẫn còn trong vòng triển chuyển luân hồi. Nên nói: "(Bồ tát hữu cách ám chi mê, La Hán hữu trụ thai chi hôn). Bồ Tát còn mê lầm khi thọ thân ngũ ấm. Alahán còn hôn muội lúc trụ thai" cho

through rebirth; even Arhats become muddled after having dwelt in the womb.” Even if you are a great knight of the Dharma body manifesting in this world, sometimes you may be confused by the current of birth and death and not know how to stop it.

Our birth and death, being born and dying, dying and being born again, is birth and death on a great scale. We also have birth and death on a small scale. There is the day we are born. Although we are born, we will have to die. The day of our death is already set the day we are born. Therefore, our life is birth and death on a great scale. Each passing year brings the death of that year. Thus if we are born one day, we will have to die one day, because once there is birth, there is death. If there is no birth, then there is no death.

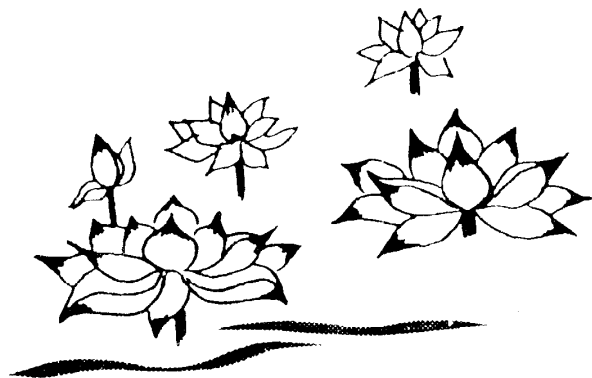
As to the “beginningless,” most people explain it as there being no beginning and no end. It refers to time without beginning; it started at a kalpa in the beginningless past, and goes to a kalpa in the endless future. What is without a beginning anyway? And what is without an end? This refers to something we all recognize; in English it is called zero, and in Chinese it is called **O** (*ling*). This **O** has no beginning and no end. It is the Absolute, without beginning or end. The beginningless is just the **O**. If you cut this **O** open, it becomes a “-” (the Chinese character for ‘one’). This is the beginning. Once there is a one, there is also a two: when you add one to one, that is two. Adding another one makes three, and adding more ones makes four, five, six, seven, eight, nine, ten. From ten, a hundred is produced, and a hundred brings forth a thousand, a thousand

dù bạn là một bậc Pháp thân đại sĩ thị hiện giữa đời, đôi khi bạn vẫn còn bị dòng sinh tử cuốn phăng khiến cho mê muội, không biết làm sao chấm dứt dòng sinh tử ấy.

Sự sống chết của chúng ta, sinh ra rồi chết, chết rồi lại sinh, đó là một vòng sinh tử lớn lao. Ngoài ra, ta còn có một vòng sinh tử nhỏ nhoi nữa, đó là ngày ta sinh ra, dù được sinh ra nhưng có nghĩa là ta đã chết rồi. Ngày ta chết được đặt vào ngay ngày ta chào đời. Do vậy, cuộc đời chúng ta là một vòng tròn vĩ đại tiếp nối giữa sự sống và sự chết. Nên nếu ta được sinh ra vào một ngày thì cũng sẽ có một ngày ta chết đi. Vì một khi có sự sinh ra thì cũng có sự chết đi. Nếu không có sự sinh ra thì cũng không có sự chết.

Khi nói *vô thủy* – không có chỗ khởi đầu – Mọi người đều giải thích như một sinh thể hiện hữu mà không có sự sinh ra và không biết khi nào thì hủy diệt. Điều đó liên quan đến thời gian vô thủy ; nó bắt đầu từ một kiếp vô cùng tận, không có sự khởi đầu trong quá khứ, suốt tới một kiếp không cùng tận trong tương lai. Vậy thì cái gì là *vô thủy* (không có chỗ khởi đầu)? Và cái gì là không có nơi kết thúc (*vô chung*)? Đó là cái mà mọi người đều biết, trong Anh ngữ gọi là *zero*, và tiếng Hán gọi là *ling* (số **O**). *O* này không có khởi đầu cũng không có chỗ kết thúc. Cái không khởi đầu chỉ có thể là *O*. Nếu bạn cắt rời cái *O* này ra, nó trở thành một (trong tiếng Hán có nghĩa là NHẤT), Đây là chỗ bắt đầu, một lần là 1, rồi một lần nữa là 2; khi bạn thêm 1 và cứ thêm 1 vào nữa sẽ có 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. Từ 10 thì số 100 sẽ được lập. Từ đó biến thành *vạn* (trăm ngàn), rồi 100 *vạn* (triệu), *thiên vạn ức*, mãi đến vô tận. Đó là chỗ khởi đầu của con số.

Trong thời đại khoa học ta đang sống hiện nay, chúng ta có thể chế tạo hỏa tiễn để đưa vệ tinh vào không gian. Các vệ tinh bay quanh quỹ đạo không gian mà không bao giờ ngừng, đó là khởi đầu (*hữu thủy*). Với sự giúp sức của toán học, của máy tính, ta có thể phóng hỏa tiễn vào không gian. Đó là



transforms into ten thousand, ten thousand further transforms into one hundred thousand, one million, ten million, and a thousand million, up to infinity. That is the beginning of numbers.

In our modern scientific era, we can use rockets to launch satellites into space. The satellite revolves in its orbit in space without stop. That is a beginning. With the help of numerical calculations, we are able to send rockets into space. That is the function of a beginning; it's a kind of mathematical transformation. Then is there an end? We don't know yet when the end will come. The end corresponds to the stage of emptiness in the four stages of formation, dwelling, decay, and emptiness in the kalpa (eon) of formation is a beginning. Formation lasts for twenty small kalpas. Then there is dwelling for twenty small kalpas, decay for twenty small kalpas, and emptiness for twenty small kalpas. One could say that this is a beginning and an end.

Where would you say all these living beings that have appeared since beginningless kalpas come from? Let's investigate. Take human beings, for example. Did man exist before woman or woman before man? If you say man appeared before woman, then without a woman how could there be any men? If you say woman appeared before man, then without a man how could there be any women? This is the "beginningless"—we don't know where it started. Chickens are another example. Would you say the chicken came before the egg, or the egg before the chicken? For beginningless kalpas there were no chickens. Then how did one come into existence? We may say it was born from an egg. Well, if there were no chickens, how could there be eggs? Our investigation cannot provide a clear understanding of this principle; it comes from the beginningless. People also came from the beginningless, from the **O**.

This **O** is beginningless and endless; it has neither inside nor outside; it is neither big nor small. In its minutest aspect, the **O** equals a dust mote. If we expand it, it is equal to the Dharma Realm. To the ends of the empty space, throughout the Dharma Realm, nothing is beyond this **O**.

tác dụng của sự bắt đầu (hữu thủy). Đó là sự biến hóa của số học. Thế thì có chỗ kết thúc chằng? Chúng ta chưa biết lúc nào kết thúc, nhưng sự việc thì dần dần tiến đến sự chấm dứt (*chung*). Tương tự như giai đoạn *không* trong 4 tiến trình Thành – Trụ – Hoại – Không. Kiếp Thành là khởi đầu. Kiếp này trải qua 20 tiểu kiếp rồi đến Kiếp Trụ 20 tiểu kiếp, Kiếp Hoại 20 tiểu kiếp, Kiếp Không 20 tiểu kiếp. Có thể nói đó là một vòng khởi đầu và kết thúc.

Tất cả chúng sinh đã từng xuất hiện từ vô thủy kiếp đến nay, bạn nói họ từ đâu đến? Bạn hãy nghiên cứu xem. Thí dụ như loài người chúng ta. Phải chằng người đàn ông hiện hữu trước đàn bà, thế thì không có đàn bà ai sẽ sinh ra đàn ông. Nếu bạn cho rằng đàn bà có trước, thế thì không có đàn ông làm sao có được đàn bà?. Đây là "vô thủy" - chẳng biết được khởi đầu từ đâu. Lấy một ví dụ khác. Bạn nói rằng gà có trước trứng, hay trứng có trước gà? Ta có thể nói gà sinh từ trong trứng. Tốt, nếu không có gà, lấy đâu có trứng? Sự suy cứu của chúng ta không sáng tỏ được đạo lý này. Gà cũng đến từ không nơi khởi đầu - *vô thủy* -, con người cũng đến từ nơi không khởi đầu, từ *O*. *O* này thì vô thủy vô chung - không chỗ khởi đầu và không nơi kết thúc, nó chẳng có trong, chẳng có ngoài, chẳng nhỏ, chẳng lớn. Về phương diện cực vi để xét, *O* này nhỏ như vi trần. Nếu ta phóng lớn nó ra, *O* này bao trùm cả pháp giới. Đến cùng tận hư không, khắp cả pháp giới không có gì qua khỏi *O* này. Nếu đem cùng tận hư không khắp cả pháp giới nghiền thành vi trần, thì hạt vi trần ấy cũng chẳng rời khỏi cái *O* mà có. Do vậy, *O* là cội nguồn của muôn sự sinh sinh hóa hóa. Là nguyên lý *chân không diệu hữu*, chẳng khởi đầu, chẳng kết thúc của vạn vật. Khi *O* mở ra, nó biến thành hư không, thành Pháp giới. Đó là chân không, khi thu nó lại, *O* thành vi trần. Dù hạt bụi tuy nhỏ nhưng chúng là một sự hiện hữu nhiệm mầu là "diệu hữu". Các bạn hãy quan sát kỹ điều này. Nếu

If the empty space throughout the Dharma Realm is smashed into dust motes, not a single mote is apart from this **O**. Therefore, the **O** is the source of the myriad births and transformations. It is the principle of true emptiness and wonderful existence without beginning or end. When this **O** is expanded, it becomes empty space, the Dharma Realm. That is true emptiness. When it is shrunk, it becomes a dust mote. Though a dust mote is tiny, it is wonderful existence. Therefore, beginningless kalpas have no beginning. This **O** is true emptiness, and it is wonderful existence. All of you, think about this! If you can understand this principle, you understand the true Dharma. If you can't understand this principle, you're still a confused person, having no real wisdom.

If you have attained enlightenment, this **O** is great bright wisdom. If you haven't attained enlightenment, then it's ignorance. Ignorance is just the **O**, and great bright wisdom is also the **O**. Thus the **O** is beginningless and endless; it has neither inside nor outside; it is neither big nor small. It's so big there's nothing outside of it, nothing is bigger. When you draw this **O**, you can make it as big as possible, or as small as possible. Therefore, it is so big there's nothing outside it, and so small there's nothing inside it. Its bigness transforms into the pure and clean fundamental source, the wonderful true nature. Its smallness and hiddenness is the single initial thought of your ignorance. This is how I explain "beginningless."

Transmigrating in birth and death is the **O**. The so-called transmigration in the six paths is just revolving within the **O**. Before this circle is broken, living beings are born and die, die and are born again, revolving in the **O** for countless great kalpas. This is called eternally revolving in birth and death. Don't you think this word "eternally" is horrifying? It is! You keep turning 'round and 'round in transmigration. Why do you revolve eternally? Because your thoughts are produced and extinguished one after another. When you give rise to one defiled thought, you become an

hiếu được đạo lý này, tức là bạn hiểu rõ chân Pháp. Nếu chưa hiểu, thì vẫn còn là người mê muội, chưa phải là người có trí tuệ chân chính.

Nếu bạn đã khai ngộ, thì *O* này là trí tuệ sáng suốt rộng lớn (đại trí huệ quang minh). Còn nếu bạn chưa giác ngộ thì nó chính là vô minh. Vô minh cũng chỉ là cái *O* này. Trí tuệ sáng suốt lớn lao cũng chỉ là cái *O* này. Vậy, *O* là khởi đầu và là kết thúc, nó chẳng ở trong mà cũng chẳng ở ngoài, chẳng lớn, chẳng nhỏ. Nó rất lớn, chẳng vật gì ở ngoài nó được, chẳng có gì lớn hơn nó được. Khi bạn vẽ một vòng tròn, bạn có thể vẽ lớn chừng nào cũng được, hay muốn nhỏ cỡ nào tùy ý. Do đó, nó rất lớn, chẳng có gì ở ngoài nó cả, và nó rất nhỏ đến nỗi không có gì nằm trong nó được. Cái lớn của *O* hóa thành *bản nguyên thanh tịnh, bản tánh chơn như nhiệm mầu* (thanh tịnh bản nguyên, chân như diệu tánh). Cái nhỏ nhiệm ẩn tàng của *O* là *một niệm vô minh* tối sơ. Đây là điều tôi muốn nói về *vô thủy*.

Luân hồi sinh tử cũng là cái *O* này. Gọi là luân hồi trong 6 nẻo, cũng chính là luân chuyển trong *O*. Trước khi vòng tròn này bị phá vỡ, chúng sinh sinh rồi chết, chết rồi lại sinh, luân hồi trong *O* vô lượng vô biên đại kiếp. Đây gọi là luân hồi vĩnh cửu trong vòng sống chết. Bạn xem chữ "*vĩnh cửu*" ấy có đáng sợ không? Đúng vậy! Một khi bạn đã trôi lăn, trôi lăn mãi trong vòng luân chuyển ấy. Do đâu bạn mãi trôi lăn? Do niệm niệm sinh sinh diệt diệt không ngừng trong tâm bạn tạo nên. Khi bạn khởi lên một niệm xấu ác, bạn liền trở thành súc sinh, quỷ đói hay loài ở địa ngục. Nếu tâm niệm bạn hướng về sự thanh tịnh, có thể bạn sẽ tái sinh trong loài người, loài Atula, hoặc sinh trong cõi Trời. Tất cả mọi sự luân chuyển này đều do tâm bạn tạo thành. Vì tâm ta đã tạo nghiệp luân hồi, nên ta nhận lãnh quả báo luân hồi. Không phải nghiệp bắt đầu có khi ta nhận lấy quả báo, mà thực ra, bạn đã tạo nên nhiều vọng tưởng trong quá khứ. Vọng tưởng về

animal, or a hungry ghost, or fall into the hells. If you incline toward purity, you may be born a human or an asura, or ascend to the heavens. All this transmigration is caused by your mind. Because our mind has created the corresponding karma, we receive the retribution of transmigration. Such karma does not start when we receive the retribution. In reality, you had lots of false thoughts in the past. With false thoughts about the heavens, you are born in the heavens; with false thoughts about asuras, you are born an asura; with false thoughts of being human, you are born a human; with false thoughts of animals, you are born an animal; with false thoughts of hungry ghosts, you are born a hungry ghost; with false thoughts of hells, you fall into the hells. If you always create offenses, you fall into the three evil paths; if you always establish wholesome merit and virtue, you ascend to the three good paths. This is just a general explanation. If I were to explain this in detail, I wouldn't be able to finish to the end of time. In short, this world is created from living beings' false thoughts. If no one had any false thoughts, then this world would be empty.

Living beings don't understand this Dharma of the real appearance of true emptiness, the Dharma of the real appearance of true suchness, the Dharma of true emptiness and wonderful existence. All of these are called actual Dharma. The Dharma of true emptiness and wonderful existence is just the **O** mentioned above. The great heaven and earth are produced from the **O**; so is this vast world, the numerous living beings, and all other things. Because the **O** does not fall into the category of numbers, it is not within numbers. It is beyond numbers or reckoning. It has no beginning or end, no inside or outside, no big or small. "When released, it fills the six directions. When rolled up, it retreats and hides away in a secret place." The actual Dharma is just this Dharma of true emptiness and wonderful existence. True emptiness is not empty. Why? Because it contains wonderful existence. Wonderful existence does not exist. Why? Because it encompasses true emptiness. It is said, "True emp-

cõi Trời, bạn sẽ thọ báo ở cõi Trời, với vọng tưởng về loài Atula, bạn sẽ thọ báo trong loài Atula, với vọng tưởng về loài người, bạn sẽ sinh ra trong loài người, với vọng tưởng về loài súc sinh, bạn sẽ tái sinh trong loài súc sinh; với vọng tưởng về loài quỷ đói, bạn sẽ sinh ra trong loài quỷ đói, với vọng tưởng về địa ngục, bạn sẽ sinh ra trong địa ngục để chịu quả báo. Nếu bạn thường tạo ra nhiều chuyện ác nghiệt, bạn sẽ thọ báo trong 3 đường dữ (ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục). Nếu bạn thường gieo trồng nhiều công đức, phước thiện, thì bạn sẽ thăng hoa trong 3 nẻo đường lành (cõi người, cõi trời, cõi Atula). Đây chỉ là giải thích tổng quát. nếu muốn giải thích tường tận, sợ chúng ta không có đủ thời gian. Cho nên, thế giới này là do vọng tưởng của chúng sinh tạo thành. Nếu không ai có chút xíu vọng tưởng nào, thế giới này sẽ là không.

Chúng sinh đều không hiểu nổi pháp *chân không thực tướng*, pháp *chân như thực tướng*, pháp *chân không diệu hữu*, tất cả đều được gọi là *chân thực Pháp*. Pháp *chân không diệu hữu* chỉ là cái **O** mà tôi đề cập nãy giờ. Cõi đất trời rộng lớn này đều được xuất sinh từ **O**, cho đến thế giới bao la vô tận này cũng thế, rồi vô lượng chúng hữu tình và mọi vạn tượng khác cũng thế. Bởi vì **O** không rơi vào trong phạm trù của các con số, nó cũng không nằm trong các con số, nó vượt trên mọi số lượng và sự tính toán. Nó vô thủy vô chung, chẳng trong chẳng ngoài, không lớn không nhỏ. "Khi phóng ra nó trùm 6 hướng. Khi thu vào nó ẩn tàng trong vi mật", *phóng chi tắc di lục hợp, quyện chi thối tàng ư mật*. *Chân thật Pháp* cũng chính là pháp Chân Không Diệu Hữu. Chân không mà chẳng không. Sao vậy? Vì nó chứa đựng Diệu Hữu. Diệu Hữu nhưng không phải là có. Vì sao? Vì nó bao hàm chân không. Nên nói: "*Chân không chẳng ngăn ngại Diệu Hữu, Diệu Hữu chẳng cản trở chân không*". Đạo lý này giải quyết được vấn nạn đàn ông có trước hay đàn bà có trước. Hóa giải luôn vấn đề gà có trước hay trứng có trước. **O** này có thể hóa

teness does not obstruct wonderful existence; wonderful existence does not hinder true emptiness.” This principle resolves the question of whether the man came first or the woman came first. It also resolves the question of whether the chicken came first or the egg. The **O** can solve all problems. Why? Because the **O** is true emptiness. From it, wonderful existence and the myriad things manifest. Yet this wonderful existence is not separate from true emptiness. Without having attained the Dharma of the mind-seal of the Buddhas you cannot understand this state. If you understand the mind-to-mind-seal Dharma-door of the Buddhas, you will understand this Dharma. Therefore, it is said, “The actual Dharma is not understood.”

Living beings are forever adding a head on top of a head, or seeking outside, and don't know that they should reflect upon themselves. This true Dharma is inherent in the self-nature, it abides constantly and originally in the self-nature. One doesn't need to seek outside for it. If you go outside to try to find it, you can spend eighty thousand great kalpas and you still won't be able to find it. However, if you can return the light and look within, it's there instantly. It is said, “The sea of suffering is boundless, but a turn of the head is the other shore.” That is to say, when you seek outside, just that is the boundless sea of suffering; when you reflect within and work on your self-nature, just that is the other shore you find upon turning your head.

We people are all upside down. From morning to night we pursue false conditions, follow the six sense organs and the six defiling objects, and do not understand the actual Dharma. In the eternal still light, the Buddhas enter samadhi in full lotus posture. They come to this world in their samadhi. Why? Because they see how truly pathetic we foolish living beings are, forgetting the real and clinging to the false. We don't know how to turn from delusion and return to enlightenment, how to turn from the false and return to the real, how to use the false to facilitate the cultivation of the real, and how to reflect upon ourselves. We are truly pathetic. Therefore, in their

giải mọi vấn đề. Sao vậy ? Vì *O* tức Chân Không. Chân Không có thể hiển bày Diệu Hữu, có thể hiển bày vạn pháp. Nhưng Diệu Hữu chẳng tách rời Chân Không. Khi chưa ngộ được pháp truyền tâm ấn của chư Phật thì khó hiểu được nổi cảnh giới này. Nếu sáng tỏ được pháp môn *lấy tâm ấn tâm* của chư Phật, thì bạn sẽ hiểu được đạo lý này. Do vậy, nên nói : “*Bất liễu chân thật Pháp,*” không hiểu đặng Pháp chân thực.

Chúng sinh đều đầu gắn thêm đầu, đều cỡi trâu mà tìm trâu, đều hương ngoài truy cầu, không biết cách tự quay trở lại tìm thấy ngay nơi mình (*hồi quang phản chiếu*). *Pháp chân thật* vốn hằng có đầy đủ trong Tự Tánh. Ta không cần phải hương ra ngoài tìm cầu. Nếu bạn cố hương ra ngoài tìm cầu, dù có trải qua tám chục ngàn đại kiếp vẫn không thấy được. Tuy vậy, nếu bạn quay trở lại tự soi sáng chính mình, sẽ nhận ra ngay tức khắc. Nên nói: “*khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn*”, biển khổ mênh mông, quay đầu là bờ”. Cũng tức là: khi bạn tìm kiếm bên ngoài, ấy chính là biển khổ mênh mông, khi bạn hương vào trong, dụng công nơi tự tánh, đó chính là quay đầu liền thấy bờ.

Chúng ta điên điên đảo đảo, từ sáng đến chiều, truy đuổi vọng duyên, trôi theo sáu căn sáu trần, không hiểu được *Pháp chân thật*. Đức Phật ở cõi Thường Tịch Quang ngồi kiết già nhập định. Ah! Tuy ở trong định, nhưng muốn chạy đến thế gian này. Vì sao? Bởi vì các Ngài thấy chúng sinh chúng ta quá ngu si, quá thảm hại. Chúng sinh đã bỏ quên mất bản tánh chân thật của mình, mà đuổi theo vọng tưởng. Chúng ta không biết cách từ bỏ vô minh mà quay trở lại với tánh giác, không biết cách từ bỏ vọng tưởng mê lầm trở về với bản tánh chân thật; chẳng biết cách mượn cái giả để tập tính chân thường; chẳng biết cách quay lại soi sáng nội tâm. Chúng ta thật đáng thương xót. Do vậy, chư Phật ở trong đại định thường khởi tâm Đại từ và thị hiện đến thế gian này để chỉ rõ mê tâm cho chúng ta. Tuy vậy, ta mãi chìm đắm trong

samadhi, all the Buddhas give rise to a greatly compassionate mind and come to this world to point out our confusion. However, we seek false conditions and don't recognize this actual Dharma. The more the Buddha speaks Dharma to us, the more we keep retreating. The Buddha shakes his head in frustration; he is at a loss. What can we do if the Buddha is at a loss? Well, you can turn around. When you do so, the Buddha will come face to face with you, to teach and transform you. Therefore, it is said, "Thus all Buddhas appear in the world."

This actual Dharma cannot be destroyed by any externalist ways. If you understand the actual Dharma, you know it encompasses everything throughout empty space and the Dharma Realm. Buddhas, demons, heavenly demons, and externalist ways are all included in this true Dharma; nothing is outside the Dharma Realm. Therefore, even the heavenly demons and those of externalist ways should follow and accord with the proper Dharma. Why? Because they are unable to destroy it. The proper Dharma cannot be destroyed by anyone. If one were able to destroy it, it wouldn't be the actual Dharma. The actual Dharma is indestructible.

The great brightness of self-mastery is just this O. When you have perfected your cultivation, the great bright store will manifest the great awesome spiritual power of self-mastery will appear. This great bright store pervades empty space and the Dharma Realm. Thus the Buddha comes to universally guide all living beings in this world through the Dharma-doors of leaving birth and death, of reflecting upon oneself, and of returning to the source. Your great bright wisdom can shatter ignorance and reveal the inherent Dharma nature. If you don't believe what I say, just go ahead and try it out. When the time is ripe, you won't be able to disbelieve it. You'll believe it even if you don't want to. Because that's the way it is. How can you not believe? This great bright store is originally your own, it's not given to you by other people, nor is it given to you by the Buddhas. It is inherently yours.

vọng tưởng, mãi truy cầu vọng duyên mà không nhận ra *Pháp chân thực* này. Đức Phật càng chỉ bày, chúng ta càng quay lưng với Ngài. Đức Phật lắc đầu thất vọng, Chúng ta đã phụ lòng Đức Phật. Chúng ta sẽ ra sao nếu chúng ta cứ mãi phụ lòng Ngài? Thế thì bạn sẽ trở về lại với chính mình, khi bạn thực hành như thế. Đức Phật sẽ hiện hữu, ngay trước mặt bạn để dạy bảo và hóa độ cho bạn. Do đó mới thực là: " *Chư Phật hiện hữu ở thế gian* "

Pháp chân thực này không thể bị biến hoại bởi hàng ngoại đạo. Nếu bạn minh bạch được pháp chân thực, hiểu rõ rằng pháp ấy bao hàm vạn vật đến tận hư không, khắp pháp giới, Cõi Phật, Cõi Ma, Cõi Trời, Thiên Ma ngoại đạo đều bao hàm trong pháp chân thật này, chẳng có vật gì ở ngoài pháp ấy. Do đó ngay đến thiên ma ngoại đạo cũng đều sẽ phải tùy thuận với chính pháp. Sao vậy? Vì chúng không thể phá hoại chính pháp được. Chánh pháp không thể bị hủy hoại bởi bất kỳ thế lực nào cả. Nếu Pháp bị phá hủy, đó không phải là pháp chân thật. Pháp chân thật không thể bị phá hoại được.

(Xin xem tiếp trang 17)

Số Không: Kho Tàng Vĩ Đại...





Lược Giảng Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật

Hòa Thượng Tuyên Hóa

tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969.

(Tiếp theo)

PHẦN BẢY:

VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT

Tu Bồ Đề, ư ý vân hà? Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề dã? Như Lai sở hữu thuyết pháp dã? Tu Bồ Đề ngôn: Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp, danh A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết hiền thánh, giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt.

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như-lai có chứng được a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề chăng? Như-lai có thuyết pháp chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Như con hiểu ý nghĩa của Phật nói, thời không có pháp nhất định gọi là a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, cũng chẳng có pháp nhất định cho Như-lai thuyết.

Tại sao? Vì pháp Như-lai thuyết, đều chẳng thể chấp, chẳng thể thuyết, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Tại vì sao? Vì tất cả hiền thánh đều theo pháp vô vi mà có sai biệt.

Lược giải:

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như-lai có

chứng được a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề chăng? Như-lai có thuyết pháp chăng?

Phật hỏi ông Tu-bồ-đề: "Như-lai có chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng?" Trong chữ "Như-lai," thì "Như" là như thật, theo con đường đạo như thật, và "lai" là đến, đến được chánh giác, tức giác ngộ chân chánh. Chữ "được" tức là chữ "đắc" đối chọi với chữ "thất," là mất. Mất rồi mới lấy lại được gọi là đắc. Tại chỗ này, chữ *được* lại không có ý nghĩa của chữ "đắc," mà nên giảng theo nghĩa "thất." Thế thì Như-lai đã để mất *a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề* chăng? Chẳng mất thì chẳng được, vì đắc là phản nghĩa của thất, nếu có đắc tức trước đã từng thất, nên nay mới đắc lại. Nếu quả, chưa hề mất, thì làm sao lại được. Giảng như vậy thì rõ, đó là cách giảng hoàn hảo hơn. Nếu nói Như-lai đắc *a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề* thì thử hỏi trước đó Như-lai đã mất nó rồi chăng? Không mất thì không được! Đó mới là ý nghĩa chính xác. *A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề* nghĩa là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật lại hỏi trưởng lão Tu-bồ-đề: "Như-lai có thuyết pháp chăng?"

Khi nói có thuyết pháp, tức có nghĩa là: *Phật đã từng thuyết pháp chăng?* Hay có thể hỏi ngược lại là: *Như-lai chưa từng thuyết pháp chăng?*

Ta nói Phật chưa từng thuyết pháp, Phật lại nói có thuyết pháp; ta nói Như-lai thuyết pháp, Phật lại hỏi Như-lai có thuyết pháp hay không. Ở chỗ này, Phật mang vấn đề đó ra hỏi vặn ông Tu-bồ-đề, xem thử trưởng lão có trí bát-nhã hay không. Nếu có trí bát-nhã thì hiểu được ý nghĩa này,

không có bát-nhã tất không hiểu nổi.

Tu-bồ-đề đáp: Như con hiểu ý nghĩa của Phật nói, thời không có pháp nhất định gọi là a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, cũng chẳng có pháp nhất định cho Như-lai thuyết.

Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa lại rằng: "Theo như điều hiểu biết của con về ý của Phật nói, thì không có pháp nào nhất định gọi là a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề." Ông Tu-bồ-đề không có trả lời trực tiếp về câu "chứng được hay không chứng được," ông chỉ nói là không có pháp nào có tên gọi là a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Nếu đã không có, thì có cái gì "được?" Cái gì "mất?"

Tại sao không có? Bởi vì cái a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề mà Phật nói, bất quá chỉ là cái tên mà thôi, kỳ thật, cái tên đó cũng là không, gốc vốn không có. Căn bản đã là không thì có cái gì là được? Cái gì là mất? Chẳng có pháp nhất định mà Như-lai thuyết. Pháp mà Như-lai thuyết đều vì người mà nói, tùy bệnh mà cho thuốc, chớ chẳng có pháp nhất định để có thể thuyết.

Tại sao? Vì pháp Như-lai thuyết, đều chẳng thể chấp, chẳng thể thuyết, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Tại vì sao? Vì tất cả hiện thánh đều theo pháp vô vi mà có sai biệt.

Bởi duyên có gì? Bởi vì pháp Như-lai thuyết đều không thể chấp, tùy lúc nói, tùy lúc quét nó đi, giống như lấy cây chổi quét bụi vậy. Pháp nói ra chính là bụi pháp (pháp trần), nói xong rồi, thì quét nó đi cho sạch. Phật thuyết pháp gì? Không pháp có thể thuyết. Chẳng phải pháp, cũng chẳng phải phi pháp. Pháp gì có? Tất cả đều chẳng có. Ý nghĩa này là thế nào? Tất cả các vị hiện thánh đều theo pháp vô vi mà có sự khác biệt. Pháp vô vi là nghĩa không có gì tạo tác, không có tướng.

Phật-pháp vốn không cần phải học, ai cũng có cả. Chỉ cần ta trừ bỏ mọi chấp trước, thì Phật-pháp sẽ hiện ra. Nếu không gạt bỏ chấp trước, thì càng kiếm Phật-pháp, càng không tìm thấy.

Tại sao vậy? Tại vì ta có điều chấp trước, không buông bỏ được. Tay không mở ra thì không nắm lại được. Bởi vậy, tay trái nếu buông bỏ chấp trước xuống, tay phải sẽ lấy được bát-nhã lên. Nói vậy cũng chỉ là một cách thí dụ, chớ hư không đâu có thể nắm lấy? Nếu quả hư không chẳng thể nắm được, thì thực tướng bát-nhã cũng không thể nắm bắt. Tại sao? Thực tướng bát-nhã như hư không, trải khắp pháp giới, ta nắm bắt làm sao được? Ta vốn ở trong thực tướng bát-nhã, làm sao lại còn muốn bắt lấy bát-nhã? Nay chẳng qua chúng ta đương chấp trước, chưa đạt được bản thể của pháp thân, chưa thấy được diện mạo gốc gác của mình. Nếu nhận ra được bản lai diện mục, thì sẽ giống như Lục-tổ nói:

*Bồ-đề bốn vô thọ
Minh kính diệc phi đài
Bổn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai*

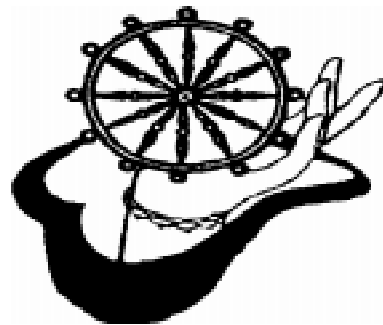
Nghĩa là:

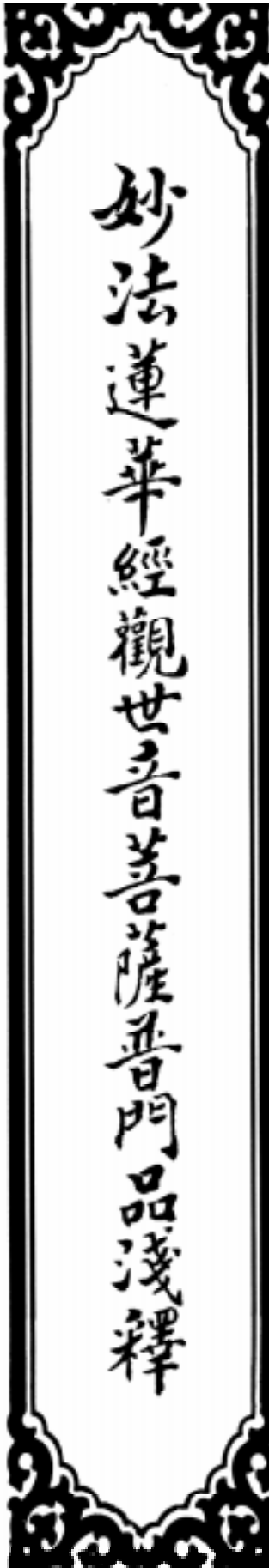
*Bồ đề vốn không cây
Gương sáng chẳng phải đài
Xưa nay không một vật
Chỗ nào vướng trần ai*

Bốn câu kệ này hay và đẹp vô cùng. Nếu như ta thực thà buông bỏ được thì sẽ thể nghiệm được ý nghĩa của mấy câu trên, lúc đó sẽ đạt được bốn lai thực tướng bát-nhã. Nói tới chứng được cũng là một cách nói, chỉ là cái tên, căn bản là chẳng có cái gì được (vô sở đắc), bởi vì chúng ta chẳng mất thì chúng ta chẳng cần được.

Đoạn văn sau (phần 8) nói tất cả Phật và Phật-pháp đều từ trong bộ kinh đây mà ra.

(còn tiếp)





Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm

Hán dịch: Dao Tần, Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

Giảng Thuật: Tuyên Hóa thượng nhân, Vạn Phật Thánh Thành Mỹ Quốc

Hoài boãi của chư Phật, chư Bồ tát đều muốn tất cả chúng sanh được ly khổ đắc lạc, bỏ trần lao ô nhiễm hợp với giác ngộ thanh tịnh, và cứu cánh là thành Phật. Các ngài không có tí ti tính toán gì cho riêng mình mà chỉ vì lợi ích của tha nhân.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thì:

"Thiên xú kỳ cầu thiên xú ứng

Khổ hải thường tác độ nhân châu."

Mong rằng mỗi chúng ta gia tâm trì niệm danh hiệu Ngài, cầu nguyện cho thế giới hòa bình, cho mọi người hết khổ. Hy vọng rằng mọi người đều sẽ là hóa thân của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm.

bdh

Dhẩm này được gọi là Phổ Môn Phẩm, có rất nhiều ý nghĩa. Bây giờ, trước hết, gọi nó là "Được Châu". Vì là Được Châu nên gọi là Phổ Môn Phẩm.

Tại sao gọi là Được? Được đây chính là Được Vương Thọ. Tại sao gọi là Châu? Châu đây chính là Như Ý Châu. Sao còn gọi là Được Vương Thọ? Cách đây thật lâu xa, có một người lên núi đốn củi về gánh bán ở chợ, gặp một người thầy thuốc, vị này nhìn thấy trong gánh củi của anh ta phát ra ánh sáng bèn mua hết gánh củi đó về. Về nhà, vị ấy dỡ củi ra xem thì thấy bên trong có một khúc Được Vương Thọ. Sau khi vị thầy thuốc được Được Vương Thọ rồi, gặp bất cứ bệnh gì, chỉ cần lấy Được Vương Thọ gõ nhẹ trên người bệnh nhân, hoặc đánh nhẹ một cái thì bệnh liền hết ngay, cứu được không biết bao nhiêu người. Chính vì thế mà gọi là Được Vương Thọ. Châu đây là Như Ý bảo châu. Sao gọi là Như Ý bảo châu? Như Ý là vừa lòng toại ý, cũng chính là khiến cho bạn vui thích vừa ý, thỏa mãn sự yêu cầu của bạn, đáp ứng được dục vọng của bạn. Nếu bạn muốn ăn món chi thì Như Ý Châu liền hiện ra món

ngon ấy, bạn chẳng cần phải đi mua. Nếu bạn muốn mặc bộ đồ đẹp, chỉ cần đối với Như Ý Châu mà nghĩ rằng: “Tôi muốn có một bộ đồ thật đẹp, ít có trên đời”, bấy giờ Như Ý Châu liền hiện ra một bộ đồ đúng như ý bạn mong muốn. Thậm chí bạn muốn có nhà ở, nó cũng có thể hiện ra được. Bạn nghĩ: “Tối nay tôi muốn ở một căn nhà thật sang trọng”, thì bảo châu này liền hiện ra căn nhà như ý. Sau khi ở một đêm, sáng ngày thứ hai, căn nhà tự động trở về lại trong Như Ý Châu. Bạn muốn ăn thứ gì, thức gì, Như Ý Châu liền hiện ra thức ấy, lượng vừa đủ, không thừa không thiếu. Về y phục bạn mặc, cũng không cần phải sắm giá áo, chỉ cần bạn cởi ra thì y phục ấy tự động trở về trong Như Ý Châu. Vì thế hạt châu ấy gọi là “Như ý”. Như Ý Châu bao lớn? Hạt châu này rất nhỏ, có thể tùy tiện đem theo mình; nó lại không nặng và không choán chỗ, nên gọi là Như Ý Châu, toại lòng như ý, thật là màu nhiệm. Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm cũng giống như Dược Vương Thọ, Như Ý Châu, có thể làm cho mọi người toại lòng vừa ý. Chỉ cần bạn đọc tụng phẩm Phổ Môn thì cầu mong những việc chi cũng có thể mãn nguyện. Nhưng không phải là hôm nay tụng niệm ngày mai sẽ có hiệu quả. Cần phải trước tiên sửa soạn một cơ sở thật ổn định, giống như cất một cái nhà lâu, trước tiên phải làm nền móng cho thật chắc; nền móng không chắc thì nhà lâu cũng không có cách gì xây lên được. Phổ Môn Phẩm tuy linh cảm giống như Dược Vương Thọ và Như Ý Châu, không thể nghĩ bàn như thế ấy, nhưng trước tiên bạn phải đọc tụng Phổ Môn Phẩm, mỗi ngày mỗi tụng niệm, tụng niệm đến chừng nào Bồ Tát Quán Thế Âm nhận cho là bạn hợp cách, nhận cho là bạn có thành tâm, sau đó

bạn cầu điều chi đều được như ý mãn nguyện. Không thể nói lúc bình thường chưa tụng niệm, đến khi muốn cầu cảm ứng thì tức khắc có cảm ứng ngay. Thế thì nhất định bạn phải lúc bình thường dụng công tu hành, đến khi gặp Phổ Môn Phẩm giống như Dược Vương Thọ, Như Ý Châu, thì sẽ có những vi diệu không thể nghĩ bàn, nhưng trước hết chính bạn phải tụng niệm mới được.

Có người nói: “Trong Phật giáo có quá nhiều điều phải học! Đã tụng chú Lăng Nghiêm, đã tụng chú Đại Bi, bây giờ giảng đến phẩm Phổ Môn lại phải tụng Phổ Môn Phẩm. Thế thì nhiều thời khóa quá, chúng tôi làm sao có đủ thời gian? Bạn không cần phải quá nhiều thời gian, chỉ cần mỗi ngày bạn ngủ ít đi một tiếng, bớt nói chuyện một tí, thì công tác này có thể làm được ngay. Nếu bạn không muốn toại lòng vừa ý mà nói rằng tôi không có mong cầu điều chi, tôi không có tâm tham sân, cũng không có tâm si, thế thì bạn rốt cuộc chẳng cần phải tụng niệm và cũng không có điều gì phải nói. Nếu như bạn cảm thấy trong tương lai, hoặc có thể gặp một sự cố nào đó, muốn cầu Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc Phật giúp đỡ cho, thì bạn phải học nhiều Phật pháp một tí nữa. Phật pháp cũng như biển cả, mà bạn một giọt cũng chưa uống lại sợ nhiều, thì tương lai nước biển cả ấy nhất định không thể uống hết được. Nhưng chỉ cần bạn cố hết sức mình, cần bao nhiêu thì uống bấy nhiêu thôi. Phật pháp là kho vô tận, dùng hoài không hết, cho nên bạn cứ cố đem hết sức mình mà vận dụng Phật pháp. Do ý nghĩa “Dược Châu” ấy nên nói phẩm Phổ Môn này.

Còn có một nghĩa nữa gọi là “**Hiển Mật**”. “Hiển” là hiển lộ rõ ràng, “Mật” là bí

mật kín đáo. Việc này là do bạn tụng Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm có lúc được cảm ứng rõ ràng, có lúc thầm được cảm ứng.

Cảm ứng rõ ràng thì ai nấy có thể nhìn thấy, ai nấy đều biết được. Ví như Quán Thế Âm Bồ Tát cứu giúp chúng sanh, trong phẩm Phổ Môn có nói: “Dầu cho vào lửa lớn, lửa không thể đốt được”. Ở Kinh Lăng Nghiêm, khi Quán Thế Âm Bồ Tát thuật về Nhĩ căn viên thông, nói: “Lửa không thể đốt vì tánh lửa là chơn không, tánh không là chơn hỏa”. Ví như bạn đang ngồi trong phòng, nhất tâm nhất ý niệm Quán Thế Âm Bồ Tát mà vô ý gặp phải lửa, lúc ấy bạn chỉ cần thành tâm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thế thì dù cho nhà bên có bị cháy, nhà của bạn cũng không thể cháy được. Nhưng đó phải là vô ý chứ không phải cố ý. Nếu bạn cố ý đi đốt lửa để thử xem nhà mình có thể cháy không, thì nhất định phải cháy rồi! Tại sao thế? Tại vì bạn luôn luôn có ý nghĩ thử nghiệm Quán Thế Âm Bồ Tát, bởi bạn không có lòng tin chắc chắn nên mới thử xem như thế. Giống như bạn có một người bạn, muốn biết người bạn ấy có thiệt tâm với mình không, có phải là người tốt “gặp vàng không sáng mắt” hay không, bèn đợi khi người bạn đến mới cố ý đánh rơi dưới đất 500 đô-la. Tôi không cần nhìn thấy người bạn ấy, anh ta nếu là người tốt thì không thể lấy số tiền kia. Tại sao bạn lại muốn thử nghiệm người bạn của mình? Nhân vì bạn không có nhận định đúng đắn về người bạn ấy, không biết anh ta có thật là người tốt không, cho nên mới thử nghiệm như vậy. Về Quán Thế Âm Bồ Tát, trong kinh có nói: “Dầu cho vào lửa lớn, lửa không thể đốt được”. Về

việc này bạn không tin chút nào, thì Quán Thế Âm Bồ Tát cũng không thể nào để ý đến những công việc vặt vãnh của bạn. Bạn muốn nhảy xuống biển tự sát, rồi nói: “Tôi nhảy vào trong biển lớn để xem có gặp chỗ cạn hay không?” Giả như bạn muốn thử nghiệm để xem thần thông diệu dụng của Quán Thế Âm Bồ Tát, việc đó chứng tỏ rằng bạn không có lòng tin đối với Bồ Tát. Nếu bạn đối với Bồ Tát không có lòng tin, Ngài cũng không muốn để ý đến những việc không đâu của bạn. Bạn nói: “Nếu không thử nghiệm, làm sao tôi biết được việc ấy là thật hay giả?” Bạn biết việc ấy là thật, thì thế nào? Bạn không biết việc ấy là thật thì thế nào? Bạn chỉ biết một ngày phải ăn cơm, mặc quần áo, mới có thể sống được, thế thì bạn cần gì phải biết thêm làm chi?

Hiện lộ rõ ràng là mọi người ai cũng biết, như nhà kế bên cháy mà nhà mình không cháy; đó không phải là rõ ràng sao? Ai nấy đều biết: “A! Người ấy niệm Quán Thế Âm Bồ Tát nên có cảm ứng đấy!” Họ tin Phật thật là có sự màu nhiệm”. Có cảm ứng chính là hiện lộ đấy.

Lại còn có sự bí mật nữa. Bí mật là bạn đáng lẽ có một tai nạn, hoặc là bạn đáng lẽ phải té xuống biển bị nước cuốn chết, nhưng trong vô hình, cảm ứng được Quán Thế Âm Bồ Tát, khiến cho bạn không thể gặp phải thứ nguy hiểm ấy; trong thầm kín Ngài làm cho tai nạn của bạn tiêu mất đi, đó gọi là bí mật. Người ấy đáng lẽ bị lửa đốt cháy, nhưng nhờ người ấy tin tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài bèn âm thầm giải trừ tai nạn cho người ấy. Đó cũng là cảm ứng bí mật. Thậm chí bạn đang ngồi trên phi cơ, đáng lẽ phi cơ bị trục trặc - giao thông

hiện nay tuy rất tiện lợi, nhưng số người tử vong cũng rất nhiều, có khi phi cơ bị trục trặc, xe lửa bị trục trặc, taxi bị trục trặc, rất nhiều người bị chết vì tai nạn, trước những tình hình đó, do nhờ tụng Phổ Môn Phẩm, do nhờ niệm chú Đại Bi, do nhờ tin tưởng vào Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài bèn ở trong chỗ thầm kín, nói tóm lại, là chỗ người ta không biết được, làm cho bạn đổi nguy thành an. Đó gọi là “gặp hung hóa kiết, đổi nạn thành an”. Nhân vì có sự quan hệ “**Hiển Mật**” cho nên nói đến phẩm Phổ Môn này.

Phẩm Phổ Môn có “Hiển Mật viên thông”, Hiển cũng viên thông mà Mật cũng viên thông, Hiển Mật đều viên thông cả, nên công đức của phẩm Phổ Môn là không thể nghĩ bàn. Phẩm Phổ Môn này có các thứ diệu dụng, chú Đại Bi cũng có diệu dụng đó. Tôi nói một việc cảm ứng cho quý vị nghe:

Ở phía Đông bắc làng tôi có một người nông dân rất giàu có. Mùa Thu năm ấy, ông chất nông phẩm lên xe đem ra chợ bán. Bán xong mang tiền về nhà, khi còn cách nhà độ ba dặm đường, gặp phải đám thổ phỉ chặn đường đánh cướp. Vị tài chủ này thấy phía trước có cướp - phải làm sao đây? Chạy chốn ư? Bọn thổ phỉ nhìn thấy rồi, muốn trốn cũng không được; nếu không chạy trốn thì nhất định phải bị cướp. Ngay lúc ấy ông ta bèn niệm chú Đại Bi, chiếc xe của ông ta cứ thẳng đường đi tới. Khi gần đến chỗ bọn thổ phỉ, bỗng thấy từ trong đám thổ phỉ bước ra một người đi đến trước xe nói: “Ông đưa roi cho tôi để tôi đánh xe cho”. Người ấy cũng đưa roi cho người kia đánh xe đi qua khỏi đám thổ phỉ mà bọn họ hình như không thấy

không nghe gì cả, cho nên người nông dân ấy không bị đánh cướp. Đợi tới chỗ bọn thổ phỉ không còn thấy nữa, người đánh xe giùm ấy trả lại con roi cho chủ và nói: “Bây giờ ông hãy đi đi, không có việc gì nữa đâu”. Vị tài chủ ấy nhìn thấy người đánh xe cho mình từ trong đám thổ phỉ đi ra thì nhất định là thổ phỉ rồi, mới nói: “Thưa tiên sinh, hôm nay nhờ tiên sinh cứu giúp mà tôi khỏi bị nạn cướp, dám hỏi quý danh tiên sinh là chi? Hiện ở đâu? Tương lai tôi sẽ đến quý phủ hầu bái tạ”. Người kia nói: “Tôi tên là A Thệ Dạng”. Khi quý vị niệm chú Đại Bi trong chú Đại Bi không phải có một vị Hộ pháp tên là A Thệ Dạng sao? Trong đồ hình, vị Hộ pháp ở phía sau vai có hai cánh, tên là A Thệ Dạng. Nhưng mà đương lúc ấy vị tài chủ lại nghĩ: “A, ai tên A Thệ Dạng kia! Ai vậy kia?” Bấy giờ ông ta quên rằng



“A Thệ Dụng” chính là một câu trong chú Đại Bi, cũng là tên một vị Hộ pháp. Tới chừng vị A Thệ Dụng ấy đi rồi, không còn nhìn thấy nữa, ông ta mới sực nhớ ra rằng: “À, đây không phải là một vị Hộ pháp tên A Thệ Dụng trong chú Đại Bi hay sao?” Khi nhớ ra “A Thệ Dụng” thì tìm không thấy ông ta nữa, cũng không biết ông ta đi về đâu? Cho nên đây là một thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn của chú Đại Bị. Giả như vị tài chủ ấy nghĩ rằng: “Để mình niệm chú Đại Bi xem có linh nghiệm không”, A Thệ Dụng cũng không thể nào đến cứu ông ta được. Bởi vì ông ta không có lòng thử nghiệm, mà chỉ một lòng tin tưởng: “Tôi niệm chú Đại Bi thì sẽ có thể gặp hung hóa kiết, đổi nạn thành an”. Quả nhiên ông ta được toại ý nguyện không bị thổ phỉ đánh cướp.

Bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này gồm có bảy quyển chia thành 28 phẩm, phẩm Phổ Môn này là phẩm thứ 25, nhưng trong bản kinh văn xưa thì là thứ 24, vì trong đó thiếu một phẩm Đề-bà-đạt-đa. Phẩm Phổ Môn này diễn bày công đức thần thông diệu dụng và cảnh giới không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Quán Thế Âm.

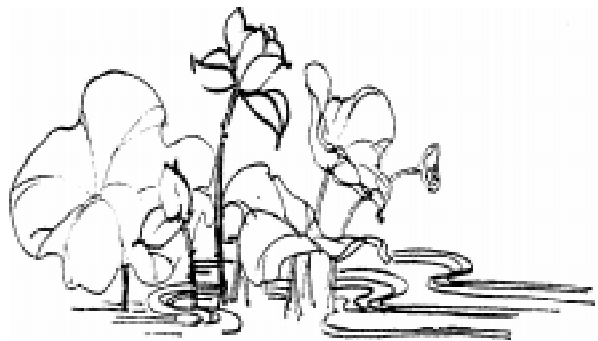
Ở đoạn trước tôi nói về “**Dược Châu**”, nay tôi sẽ nói về “**Nhân Pháp**”. “Nhân” chính là Bồ Tát Quán Thế Âm, “Pháp” chính là pháp môn Phổ Môn được thị hiện. Vị Bồ Tát Quán Thế Âm này cứu 7 nạn, giải 3 độc, ứng 2 điều cầu mong, cho nên là nhân vật không thể nghĩ bàn. Ngài lại nói pháp Phổ Môn thị hiện có cầu tất ứng, không cảm chẳng thông. Thứ “Pháp” này là một thứ pháp không thể nghĩ bàn, vì không thể nghĩ bàn nên gọi là Diệu pháp. Vì “Nhân” ấy cũng không thể nghĩ bàn, cho nên cũng có thể

gọi là Diệu nhân. Đã là Diệu nhân, Diệu pháp mới đáng gọi là Phổ Môn, mới có thể gọi là Thật tướng phù. Vì nhân duyên của “Nhân Pháp” nên Bồ Tát Quán Thế Âm mới nói “Phổ Môn Phẩm” này.

Nghĩa thứ hai là “**Từ Bi**”. Do nhân duyên Từ Bi nên Bồ Tát Quán Thế Âm mới nói Phổ Môn Phẩm này. Sao gọi là “Từ”? - “Từ” hay cho vui. Sao gọi là “Bi”? - Bi hay cứu khổ. Bồ Tát Quán Thế Âm cứu 7 thứ nạn, giải 3 thứ độc và ứng 2 thứ cầu mong của chúng sanh. Bảy thứ nạn này trong kinh văn đã nói rất tỉ mỉ, tóm tắt là: Nạn nước, nạn lửa, nạn gió, nạn gông cùm, nạn gió xoáy... Giải 3 độc là 3 độc nào? Đó là 3 độc tham, sân, si. Ứng 2 điều cầu mong là 2 điều cầu mong sanh trai và sanh gái. Chúng sanh đều có 3 độc tham, sân, si này. Nếu người nhiều tham, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát thì được lìa tham. Nếu người nhiều sân, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát thì được lìa sân. Nếu người nhiều si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát thì được lìa si. Thứ tham này nói ra rất nhiều, sân nói ra cũng không ít, còn si đúng là không nhiều cũng không ít. Nói nó nhiều cũng không phải là nhiều, nói nó ít cũng không phải là ít. Tại sao gọi là si? Nói dễ hiểu là ngu si. Thế nào là ngu si? Là không có trí huệ, không rõ ràng, thấy không đúng lý nên gọi là ngu si. Thấy được lý luận ấy không chính xác, biết nó là thế mà không biết tại sao thế, căn cứ vào học thuyết của Vương Dương Minh ở Trung Quốc thì: Người ngu si là bởi người ấy chưa có thể “Tri hành hợp nhất”. Theo Vương Dương Minh, tại sao người ấy không làm? Là bởi người ấy không biết nên mới không làm; nếu người ấy biết, sẽ

làm ngay. Theo Vương Dương Minh, người ấy biết mà không chịu làm, là do chưa thật biết; nếu thật biết thì nhất định sẽ làm ngay. Vương Dương Minh là một vị học giả rất nổi tiếng ở Trung Quốc, học thuyết của ông là: “Tri hành hợp nhất”: Nếu người thật biết thì nhất định sẽ thật hành; vì không biết, người ấy mới không làm. Điều này cũng chính là nói phải biết rõ đúng thì làm việc mới không ngu si nữa. Tại sao người ấy làm việc ngu si? Bởi vì người ấy không biết rõ. Cho nên tôi nói đây là thấy không đúng lý. Thử đưa ra một thí dụ, ví như người ngu si nói: “Hoa đẹp sáng sủa đều xinh tươi, trắng sáng ngai gì mỗi đêm tròn, đại địa có suốt đều thành rượu, rừng già không cày chẳng lay tiền”. Người tham hoa sanh tâm ngu si nói: “Tôi muốn đóa hoa này mãi mãi xanh tươi chẳng tàn phai, muốn đóa hoa này luôn luôn nở ra, sáng sủa đều đẹp như thế này”. Người tham trăng tròn lại nói: “Trăng sáng nào ngai mỗi đêm tròn ư? Trăng tối hôm qua đã tròn, nếu trăng mỗi đêm đều tròn cả thì tốt biết bao! Mỗi ngày ra ngoài ngắm trăng, ánh trăng sáng ngời cũng không cần phải đèn điện, vừa bớt tốn tiền, ánh sáng thiên nhiên phải tốt hơn không?” Đó không phải là ngu si sao? Trăng có tròn có khuyết, hoa có nở có tàn. Hoa nở thì phải có lúc hoa tàn, trăng tròn thì phải có lúc trăng khuyết, đó là luật tuần hoàn của trời đất. Người thích uống rượu lại nghĩ: “Mỗi ngày tôi đi mua rượu, mua Whisky, Brandy thì rất đắt; nếu ở dưới đất mà có ao nước biến thành ao rượu, khi tôi muốn uống rượu sẽ đến ao nước ấy lấy rượu, thật dễ dàng biết bao!” Những sự việc không thể có được ấy đều là ảo tưởng ngu si. Lại lấy một ví dụ để hiểu, có một người không có học, thậm

chí cũng chưa học tiểu học, trung học khỏi phải nói rồi, nhưng anh lại muốn được một học vị Bác sĩ ở đại học. Quý vị nói việc này có lý không? Chưa học qua tiểu học, thì học vị Bác sĩ đại học làm sao cấp cho anh được? Còn có một hạng người chưa làm ruộng bao giờ, đến mùa lại muốn thu hoạch, đó là ngu si! Thậm chí không có mua vé số mà lại mong trúng số, đó là một ý tưởng quá ngu si. Nhưng có đa số người phạm phải thứ bịnh vọng tưởng không làm mà muốn có ăn, thế thì làm sao được? Có thứ bịnh này thì cần phải sửa đổi đi mới được. Bồ Tát Quán Thế Âm cứu 7 nạn, giải 3 độc, ứng 2 điều mong cầu, đó là một thứ Đại bi, cũng lại là làm lợi lạc tất cả chúng sanh, khiến cho chúng sanh lia khổ được vui, đó là một thứ Đại từ. Vì nhân duyên Đại từ Đại bi nên Ngài mới nói Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm này. Lại còn có một thứ nữa là nhân duyên phước huệ. Phước, là Bồ Tát Quán Thế Âm sở dĩ có thể tầm thanh cứu khổ, phân biệt được tất cả âm thanh trong thế gian: Tiếng thiện, tiếng ác, tiếng khổ, tiếng vui, tiếng phải, tiếng quấy là vì Ngài có trí huệ chơn chánh. Trí huệ của Ngài từ đâu mà có? Là vì Ngài bố thí phổ môn, dùng pháp này thí cho chúng sanh, cho nên Ngài có phước báo ấy để làm phước báo trang nghiêm. Vì thế nói là do nhân duyên



phước báo mà nói Phổ Môn Phẩm.

Lại có một thứ nữa là “Chơn Ứng”. “Chơn” là Bồ Tát Quán Thế Âm dùng diệu lực chơn thân của Ngài để cứu độ 7 nạn, giải trừ 3 độc, thỏa mãn 2 điều mong cầu của chúng sanh. Ngài lại hiện 32 thứ Ứng hóa thân, đó gọi là Ứng thân dùng để giáo hóa chúng sanh, vì thế nên có nhân duyên Chơn Ứng này.

Nói phẩm Phổ Môn này lại có “**Quyền Thật**”. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng sức của pháp thân này lặng lẽ, bí mật cứu giúp chúng sanh, ấy là “Thật”. Ngài lại dùng 32 Ứng hóa thân để giáo hóa chúng sanh ấy là “Quyền” là phương tiện quyền xảo, cũng là phương pháp tạm thời, không phải là vĩnh viễn. Lại vì Bồ Tát Quán Thế Âm dùng nhân duyên “Quyền, Thật” này, nên mới nói phẩm Phổ Môn đây.

Còn có một nhân duyên nữa gọi là “**Bản, Tích**”. Sao gọi là “Bản”? “Bản” là căn bản, “Tích” là dấu tích. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng một Pháp thân mà độ khắp tất cả chúng sanh, là “Bản”. Ngài lại dùng Ứng hóa thân để giáo hóa chúng sanh, là “Tích”. Pháp thân của Bồ Tát Quán Thế Âm như là ánh sáng trắng, “Tích” của Ngài cũng giống như là ánh sáng trắng chiếu trên ngàn sông. Ấy gọi là: “Nước đầy ngàn sông ngàn ánh trắng”, chỉ có một vầng trắng sáng chiếu soi tất cả dòng sông mà những bóng trắng trong tất cả dòng sông ấy đều là từ bản thân của mặt trăng này huyền hiện ra. Bóng trắng trong nước chính là nước, là “Tích; còn mặt trăng trên trời chính là “Bản”. Do nhân duyên “Bản, Tích” này mà nói phẩm Phổ Môn.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng một Pháp thân hiện khắp trong tất cả tâm chúng sanh, khiến cho họ đều cải hóa tự tâm, hồi tâm hướng thiện, lìa khổ được vui, rất ráo. Đến đây có người nói: “Hèn gì! Bởi tôi không cải hóa tự tâm mà Bồ Tát Quán Thế Âm không hiện ở tâm tôi, khiến tôi mới có biết bao lỗi lầm không có ý sửa đổi”. Người hút thuốc nghĩ rằng: “Đại khái là Bồ Tát Quán Thế Âm không gia bị tôi, không giúp đỡ tôi”. Người thích uống rượu lại nói: “Tôi muốn học Phật pháp, nhưng đáng tiếc là tôi kiêng rượu không được, đó là lỗi của Bồ Tát Quán Thế Âm vì Ngài không chịu giúp đỡ tôi”. Họ nghĩ như thế rồi sanh tâm oán trách Bồ Tát Quán Thế Âm, và nói: “Bồ Tát Quán Thế Âm thật là bất công lắm! Tại sao giúp đỡ người ta mà không chịu giúp đỡ tôi?”

Điều này thật là ngu lại càng ngu, thành ra hai cái ngu si chồng chất lên nhau. Tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm lại không gia bị bạn? Đó là do bạn không chịu nghe lời giáo hóa của Ngài đấy thôi. Bạn nghe thấy danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì phải cải hóa tự tâm đi, phải trong sạch đầu óc đi. “Ngộ dĩ vãng là không kể đến”, biết rằng việc quá khứ đã qua rồi kể như xong. “Biết vị lai khó thể truy tìm”, tương lai phải nên đi trên con đường chân thiện. Nhưng bạn rõ biết mà cố phạm thì tội ấy càng chồng thêm. Vì thế oán trách Bồ Tát Quán Thế Âm không bảo hộ bạn là một sự quá lầm lạc! Bồ Tát Quán Thế Âm lúc nào cũng muốn bảo hộ, nhưng tiếc thay cửa lòng bạn đóng chặt, không để cho Ngài tiến vào. Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ có nước thở dài: “Ôi! Chúng sanh này thật là đáng thương biết bao!” Vì thế bạn không nên trách Bồ Tát Quán Thế Âm mà phải

trách chính mình thiếu nhiệt tâm.

Còn một thứ nhân duyên nữa, chính là “**Duyên Liễu**”. “Duyên” là duyên nhân, “Liễu” là liễu nhân. Sao gọi là “Liễu nhân”? Ấy là cái nhân này đã dứt hết, cũng có thể nói đó là cái nhân của nhân quả rõ ràng. Chúng ta hiện đang nghe kinh pháp, có người là sinh viên của đại học Seattle đến từ Washington, có người học Bác sĩ, Thạc sĩ cũng đến học Phật pháp. Tại sao những người ấy phải từ những chỗ xa xôi như vậy đến đây để tham thiền, học tập kinh tạng, nghiên cứu Phật pháp? Chính là vì muốn “liễu” được cái nhân ấy. Nghe kinh chính là chúng tử của liễu nhân, bạn có nhân duyên nghe kinh, đó là “nhân” của duyên. Vì nhân duyên của “Duyên liễu” nên nói phẩm Phổ Môn này.

Còn có một thứ gọi là “**Trí Đoạn**”. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng trí huệ, trí đức trang nghiêm của Ngài để giáo hóa chúng sanh, quả vị của Ngài là trang nghiêm trí huệ. “Trí” là Trí đức của Huệ, tức là đức hạnh của trí. “Đoạn” là Đoạn đức, tức là dứt trừ tất cả vô minh. Đoạn đức này còn có thể gọi là phước đức, nhân vì Ngài dứt trừ được vô minh nên có được phước đức trang nghiêm chân chánh, giống như Phật đầy đủ cả phước và huệ. Bồ Tát Quán Thế Âm dù là Bồ Tát, nhưng Ngài có phước đức trang nghiêm, cũng có huệ đức trang nghiêm, nên “Trí huệ” cũng gọi là “Phước huệ”.

Trên đây là nêu lý do vì mười thứ nhân duyên nên nói Phẩm Phổ Môn.

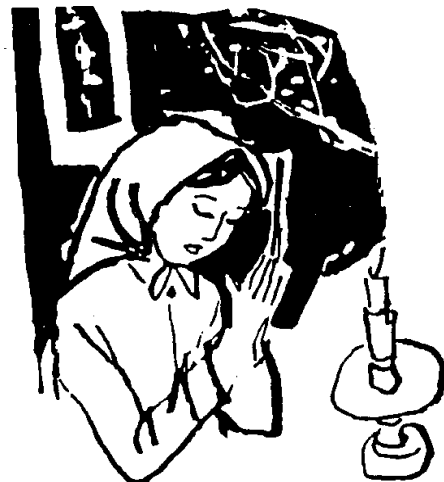
(còn tiếp)

Tự tánh, sáng suốt rộng lớn của chúng ta chính là *O* này. Khi bạn tu hành được viên mãn rồi, kho tàng sáng suốt rộng lớn này sẽ xuất hiện, năng lực tự tại vĩ đại từ kho tàng sáng suốt rộng lớn ấy sẽ xuất hiện. Kho tàng rộng lớn sáng suốt ấy trùm khắp pháp giới, rộng lớn như hư không. Do vậy, Đức Phật đến thế gian này để chỉ bày cho chúng sinh pháp môn liễu sinh thoát tử, pháp môn quay lại quán chiếu tự tâm mình. Pháp môn quay lại với nguồn tâm gốc tánh của mình. Trí tuệ sáng suốt vĩ đại của bạn sẽ chuyển hóa trọn vẹn mọi vô minh và hiện bày pháp thân chân thật vốn có trong chính mình.

Nếu các bạn không tin tôi nói, hãy thực hành thử xem. Khi cơ duyên đã chín muồi, bạn sẽ không có cách gì không tin. Dù không muốn tin, bạn cũng sẽ tin. Bởi vì nó là như vậy, bạn có cách gì không thể không tin không? Kho tàng sáng suốt rộng lớn này vốn là của bạn, chẳng có ai đem đến cho bạn cả. Cũng chẳng phải Đức Phật mang đến cho bạn đâu. Trong bạn vốn đã có đầy đủ từ lâu rồi!



Khai thị của Hòa thượng TUYÊN HÓA

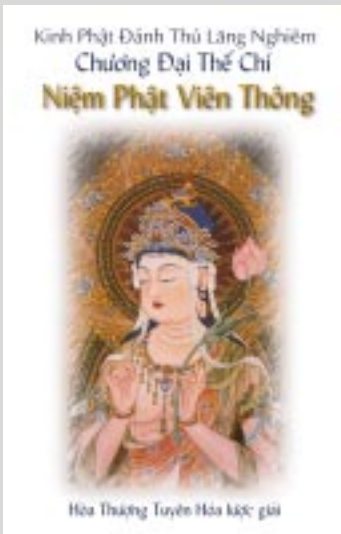




Kinh Sách Bằng Ấn Tống

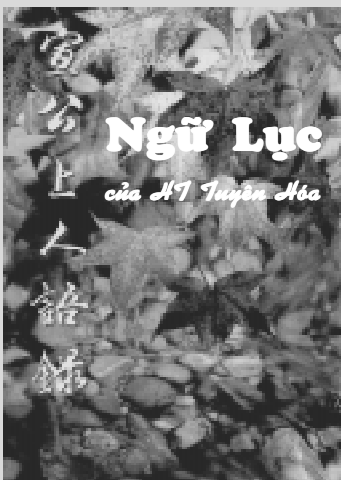


- Khai Thị 1, 2, 3: *Những bài Pháp thoại của Hòa Thượng Tuyên Hóa*
- Hoa Sen Ngày Xuân: *Ngũ Lục của Hòa Thượng Tuyên Hóa*
- Cẩm Nang Tu Đạo: *Ngũ Lục của Hòa Thượng Quảng Khâm*
- Băng đọc Khai Thị 1 (gồm 6 cuốn)



- **Băng đọc Khai Thị 2 (gồm 6 cuốn).**
- **Kinh A Di Đà do HT Tuyên Hóa lược giải.**
- **Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông do Cố Lão Hòa Thượng lược giải.**
- **Băng đọc "Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Lược Giải" (1 cuốn).**
- **Pháp Ngữ: ngữ lục hay những lời khai thị của Cố Lão Hòa Thượng.**

Ban Việt ngữ của Viện dịch Kinh sẽ tiếp tục biên dịch và ấn tống những dẫn giải về Kinh Luận cùng các bài Pháp thoại của Cố Lão Hòa Thượng. Nếu quý Phật tử hoan hỷ hỗ trợ công đức ấn tống kinh sách và băng đọc của bốn Viện được viên mãn, chi phiếu xin đề DRBA/ Vietnamese Account.



Xin Lưu Ý: Ban Phiên Dịch Việt Ngữ và Bồ Đề Hải đã thay đổi địa chỉ. Địa chỉ mới là:

Gold Sage Monastery
 11455 Clayton Road
 San Jose, CA 95127
 Tel. (408) 923 - 2700 / (408) 923 - 7243
 Fax. (408) 923 - 4700 / (408) 923 - 1064
 E-mail: bodehai@hotmail.com

ĐẠI BI CHÚ CỬ GIẢI

大
悲
呪
句
解

Chú Đại Bi bao gồm 84 câu và đã được Lão Hòa Thượng lược giải; chúng tôi sẽ lần lượt đăng lên báo với ước nguyện rằng nhiều người sẽ nhận chân Chú Đại Bi. Hiện tại là thời kỳ "đấu tranh kiên cố", thế giới không an lành, đầy hiểm họa chiến tranh & tai ách, ngưỡng mong nhiều người hơn, nhất là những người con Phật, phát tâm trì tụng Chú Đại Bi cầu nguyện cho thế giới được an lành, cho người người được an lạc. Ngưỡng nguyện chú lực sẽ vãn hồi kiếp vận và khai phát lòng từ bi sẵn có của mỗi chúng ta.

bdh

Chú Đại Bi vốn có không có cách gì giảng giải. Vì Kinh văn thần chú này thuộc hệ mật ngôn bí ngữ. Nếu muốn biết ý nghĩa của chú này, trước hết tôi xin giảng ra một bài kệ tụng. Bài kệ này chính là thuyết minh về ý nghĩa thần chú này:

“Đại bi đại chú thông thiên địa
Nhất bách nhất thiên thập Vương hoan
Đại bi đại từ năng khử bệnh
Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền”

Nghĩa là:

*Đại chú đại bi thấu đất trời
Niệm niệm ngàn ngày “Địa ngục” với
Đại bi đại từ tiêu sạch bệnh
Đài gương ghi tội hóa oai ngại.*

“**Đại Bi Đại chú Thông Thiên Địa**”: Ai niệm Thần chú này cần khôn chấn động, vạn hữu chuyển rung, thông thiên triệt địa, cảm thông đất trời, khắp cả đại ngàn, tán dương công đức.

“**Nhất bách nhất thiên thập vương hoan**”: Người nào một ngày niệm 108 biến, niệm như vậy một ngàn ngày, một năm có 365 ngày, một ngàn ngày là ba năm. Nếu ai niệm trong ba năm, ngày nào cũng như ngày đó đừng bao giờ gián đoạn; hễ đến giờ niệm chú là bạn nhất định niệm, dù bận thế nào nữa cũng không xao lãng. Vả lại mỗi ngày bạn có thể niệm chú Đại Bi ở bất kỳ lúc nào, niệm ở bất cứ lúc

nào thì nhất định làm sao quên được, bạn cũng có thể niệm đến 108 lần.

Thập vương là mười ông vua cai quản trong Địa ngục, vua Diêm La ở điện thứ nhất, vua Diêm La ở điện thứ hai, cho đến ông vua thứ mười ở điện thứ mười. Niệm như vậy thì các ngài đều vui mừng, hoan hỷ, nên gọi là “Nhất bách nhất thiên thập vương hoan”.

“Đại Bi Đại Từ năng khử bệnh”: Vì sao gọi là Chú Đại Bi? Là vì “Bi năng bạt khổ”. Nghĩa là Bi có công năng làm cho tất cả khổ nạn của chúng sanh đều được tiêu trừ. Đó là bớt khổ thêm vui (bạt khổ dư lạc), cho nên gọi là Đại Bi chú. Bớt khổ thêm vui, chủ yếu là việc chữa lành bệnh tật, bất cứ là bệnh gì. Người nào niệm Chú Đại Bi thì bệnh khổ đều có thể tiêu trừ. Có người nói “Tôi niệm Chú Đại Bi, tại sao không lành bệnh?”. Bởi vì bạn chưa nghiêng hết lòng thành. Nếu bạn một lòng thành khẩn thì Chú Đại Bi nhất định sẽ có sự linh ứng.

“Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền”: Trong một ngày chúng ta có thể niệm 108 biến, niệm xong một ngàn ngày, tức là ba năm. Thập điện Diêm Vương đều vui mừng, bệnh gì cũng có thể chữa lành. Lúc này, bạn đã trồng rất nhiều công đức rồi. Bởi vì trong ba năm, mỗi ngày đều trì tụng Thần chú mà lại không hề tạo tác nghiệp nhân. Lại nữa ở trong Địa ngục có một “đài gương báo tội” (nghiệt kính đài). Nếu bạn tạo tác một nghiệp tội gì thì đài gương kia đều hiện ra đầy đủ, cũng giống như hình ảnh đang hiện rõ trên màn ảnh ti vi không khác. Chẳng hạn như một người trong đời gây ra tội sát nhân, thì trong gương báo tội sẽ hiện ra trạng cảnh người đó sát nhân. Nếu người đó đi ăn trộm, thì trong gương sẽ hiện ra cảnh người ấy đi ăn trộm. Nếu như một người đi đốt nhà người ta, trong gương ghi tội sẽ hiện ra rõ ràng hành động tạo tác ấy. Nếu bạn không có nghiệp tội gì thì sao? Nếu vậy thì trong gương cũng không có một mảy may cảnh giới báo ứng nào hiện ra cả. Vì vậy, nếu bạn trì tụng Thần chú này trong ba năm mà không hề uống rượu, ăn thịt, dùng ngũ

vị tân, lúc gương nghiệp chiếu đến, tội báo của bạn đã được tẩy sạch; trong Địa ngục sẽ đeo cho bạn một tấm biển, tấm biển này nói rằng: “Người này trì tụng Chú Đại Bi nên nghiệp tội đã được hóa giải. Tất cả quỷ thần ở trong Địa ngục lúc thấy người này đều nên cúi đầu lễ bái và cung kính như cung kính chư Phật vậy, đồng thời nên hộ trì người ấy, như hầu cận chư Phật vậy. Cũng nên báo cho các quỷ thần khác bảo cho họ biết, mỗi khi thấy người này không thể làm cho người này phiền toái”. Cho nên, Thần lực của Chú Đại Bi này là không thể nghĩ bàn.



BÂY GIỜ GIẢNG VÀO KINH VĂN

1. NAM MÔ HẮC RA ĐÁT NA ĐA RA DẠ DA.

Trong chúng ta ai cũng biết niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, “Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật”, danh hiệu gì cũng đều biết niệm, nhưng rốt cuộc, nghĩa lý của hai chữ “Nam Mô” hiểu như thế nào? Rất ít người hiểu rõ. Mấy năm về trước, Tôi đã từng hỏi qua hai chữ “Nam Mô” giảng giải như thế nào? Thì không có người nào trả lời trọn vẹn hoặc là không biết.

“Nam Mô” là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là “Quy Y”, cũng tức là “Quy mạng kính đầu”. Quy mạng tức là đem sanh mạng của ta gởi trọn cho Pháp Thân Đại Thể, giao trọn cho Phật, “cái ta” của chính mình không còn nữa, sự sống chết đều tuân theo pháp thể, Phật bảo sống ta sống, Phật bảo chết ta chết.

“Kính” là cung kính; “đầu” là nương nhờ, “kính đầu” là cung kính và nương tựa nơi chư Phật; thân, tâm đều nương về nơi Pháp Thân Phật.

“Hắc Ra Đát Na Đát Ra Dạ Da”. Nghĩa là



Tam bảo vô tận vô biên trong mười phương. Nói theo đồ hình thì chỉ cho bốn thân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tuy nhiên, Bốn thân Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cũng tức là chỉ cho sự Quy Y mười phương chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Câu chú này niệm ra không những chỉ bảo chính mình Quy y mười phương vô lượng thường trú Tam Bảo, mà còn làm cho tất cả chúng sanh lúc nghe đến câu mật chú này cũng đều quay về kính lễ, nương tựa vào ba đời mười phương, vô lượng vô biên thường trú Tam Bảo. Tam Bảo là Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo. Các con nên biết, trên thế gian này cái cao quý nhất chính là Phật Bảo, điều cao thượng nhất là Pháp Bảo, sự cao quý nhất cũng chính là Tăng Bảo. Không có gì cao quý thiêng liêng hơn thế nữa, không những trên thế giới này mà còn nhiều thế giới khác, cho đến các cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Cũng không thể cao quý hơn Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Vì vậy, trong mười pháp giới thì Pháp giới Phật là tối cao hơn cả. Vì Tam Bảo là tối cao hơn cả nên

chúng ta cần phải cung kính phải quy y và tín thọ, không nên có tâm hoài nghi, dẫu là chỉ mảy may niệm khởi. Cho nên, phải phát khởi một tín tâm chắc thật, một sự tín thọ thâm sâu và kiên cố.

"Quy y Tam Bảo đem lại sự lợi ích gì?"

Tối thiểu,

- Quy y Phật thì đời đời kiếp kiếp không bao giờ còn rơi xuống địa ngục.
- Quy y Pháp thì đời đời kiếp kiếp không còn hóa kiếp ngựa quỳ.
- Quy y Tăng thì cũng ngàn đời vạn kiếp không còn vào chốn súc sanh.

Đó là kết quả căn bản của đạo lý quy y Tam Bảo.

Nhưng nếu bạn quy y, bạn phải làm tất cả các việc lành mới xứng đáng gọi là quy y, mới được như thế. Nếu các bạn vẫn còn giữ nguyên tập khí ngày trước như: sát nhân, đốt phá, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, rượu chè... không chịu đoạn trừ những điều như trên, thì tam đồ ác đạo sẽ chờ đón bạn. Bởi vì, ở trong Phật pháp không có chuyện khách sáo, cả nể. Bạn không thể nói: "Tôi đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi! Quy y Phật không còn đọa địa ngục; quy y Pháp không còn rơi vào ngựa quỳ; quy y Tăng không còn đọa vào súc sanh. Thế nên, tôi có thể tùy tiện muốn làm gì thì làm". Tuyệt đối không phải như vậy! Bạn phải từ bỏ những điều xấu ác và quay về làm những điều lành, vĩnh viễn không còn làm điều sai trái nữa, như thế mới không còn lý do đọa vào ba đường ác. Nếu bạn còn tái phạm thì lập tức sẽ rơi vào ác đạo. Chứ không giống như giáo thuyết của ngoại đạo nói rằng: "Này các tín đồ, bạn chỉ cần tin chắc vào vị giáo chủ thì dẫu bạn tạo tác nghiệp gì cũng được lên thiên đàng. Còn nếu bạn không tin vào Đấng Giáo Chủ thì dẫu bạn có làm nhiều công đức bạn cũng sẽ đọa vào địa ngục". Đây là một giáo thuyết đầy lầm lỗi.

Ngược lại, nếu bạn có lòng tin Phật, nhưng bạn tạo ác nghiệp thì nhất định bạn sẽ đọa vào địa ngục không hơn. Thậm chí, bạn có thể không tin vào Đức Phật, nhưng nếu bạn làm việc thiện bạn cũng được lên thiên đàng không khác. Phật Pháp luôn đưa con người đến chỗ Chánh tín, chứ không rơi vào mê tín như giáo thuyết ngoại đạo: “Các người hãy tin Ta thì các người có thể làm bất cứ điều gì có thể...”. Điều tối kỵ nhất và tội lỗi nhất cũng là ở chỗ này vậy. Bạn phải hoàn toàn tin thọ Phật Pháp, đồng thời cần phải không tạo nghiệp thì mới có thể đến chỗ hoàn thiện. Nếu cứ tạo nghiệp thì nhất định sẽ đọa địa ngục.

"Đằng nào cũng đọa địa ngục như nhau, tại sao lại nên quy y Tam Bảo?"

- Bởi vì quy y Tam Bảo nghĩa là bạn phải bỏ ác làm lành, bỏ điều sai quá khứ, làm việc thiện hiện tại và từ đây về sau chỉ làm việc lành, không làm điều sai quá, như thế mới có thể gặt hái được lợi ích. Chính vì vậy, mà câu Thần chú này dạy chúng ta quy y Tam Bảo trong mười phương không cùng, tận.

Bạn niệm câu chú này cũng có thể tiêu trừ tai ách cho bạn. Lúc bạn có tai nạn gì, hãy thường niệm “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da” thì tai nạn của bạn sẽ được giải trừ. Nếu là tai nạn lớn thì sẽ biến thành nhỏ, nếu tai nạn nhỏ cũng có thể tiêu sạch. Vì vậy, mà gọi là “Tiêu Tai Pháp”*.

“Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da” cũng còn gọi là “Tăng Ích Pháp” Tăng Ích Pháp có nghĩa là xưa nay bạn đã là người có thiện căn, lại còn niệm Thần chú này, thiện căn của bạn sẽ được tăng thêm bội phần, chỗ thắng ích của nó không sao kể hết. Vì vậy, mà gọi là Tăng Ích Pháp.

Bạn có thể niệm hết Chú Đại Bi, hoặc chỉ niệm câu “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da” này, thì bất kể bạn muốn gì, hy vọng gì, thì sở cầu của bạn đều như ý; Sở nguyện đều tùy

tâm, như thế là bạn đã có “Thành Tựu Pháp”. Cũng ví như không có con trai mà muốn cầu sanh con trai, bạn hãy niệm “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da” thì sẽ sanh con trai. Không có bạn tốt, bạn muốn tìm một người bạn lành, bạn cũng niệm câu chú này thì sẽ gặp được bạn tốt, nhưng bạn cần phải thành tâm, không chỉ một hay hai ngày, mà ít nhất phải hằng niệm trong ba năm. Nếu bạn có thể niệm đọc toàn bài thì càng tốt, nếu không thì chỉ niệm một câu “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da” cũng đã thành tựu công đức bất khả tư nghì.

Câu chú này cũng tức là “Hàng Phục Pháp”, có thể hàng phục thiên ma, chế phục ngoại đạo. Tất cả thiên ma ngoại đạo, nghe đến câu chú này đều phải (hồi tâm phục mệnh), quên mạng bỏ chạy. Trái lại, đây không phải là “Câu Triệu Pháp”, câu triệu pháp tức là niệm một câu chú đó thì yêu ma quỷ quái đều bị tóm bắt. Vì vậy, câu chú “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da” này, công năng của nó không thể nghĩ bàn, nếu mang ra mà giảng giải thì không thể nào cùng tận!

“Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đá Ra Dạ Da”:

“Nam Mô” là “quy mạng kính đầu”, “Hắc Ra Đát Na” là chữ Bảo, “Đát Ra Dạ” tức là “Tam”, “Da” là chữ “Lễ”. Cho nên nghĩa của câu này là đem thân tâm và tính mạng của chúng ta quy y Tam Bảo trong mười phương ba đời vô tận vô biên, đồng thời phải hướng về Tam Bảo mà cúi đầu đánh lễ.

Vì sao gọi là vô tận vô biên? Vì quá khứ chư Phật không cùng tận, hiện tại chư Phật không cùng tận, vị lai chư Phật cũng không cùng tận, cho nên gọi là vô tận vô biên Tam Bảo.

* Năm loại mật Pháp là: 1) Tiêu tai. 2) Tăng ích. 3) Thành tựu. 4) Hàng phục và 5) Câu triệu.

Thông Báo



Vạn Phật Thánh Thành (Thất và Pháp Hội năm 1999)

Quán Âm Thất:

Mỗi năm Vạn Phật Thành đều tổ chức ba lần Quán Âm Thất. Mỗi thất kéo dài bảy ngày, chuyên tu trì niệm hồng danh đức Quán Thế Âm Bồ Tát:

2) Tháng 7: từ ngày 25 đến 31

Lễ đức Quán Thế Âm Bồ Tát thành Đạo sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 25/7.

3) Tháng 10: từ ngày 24 đến ngày 30

Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát Xuất Gia sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 24/10.

Địa Tạng Thất:

Từ chủ nhật ngày 5 đến thứ bảy ngày 11 tháng 9, chuyên tụng Kinh Địa Tạng và trì niệm hồng danh đức Địa Tạng Bồ Tát.

Lễ vía Đức Địa Tạng Bồ Tát sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 5 tháng 9, ngày đầu tiên của Thất.

Lễ Vu Lan sẽ tổ chức vào chủ nhật ngày 22/8.

Phật Thất:

Từ chủ nhật ngày 19 đến thứ bảy ngày 25 tháng 12 năm 1999, chuyên trì niệm hồng danh đức Phật A Di Đà.

Lễ vía đức Phật A Di Đà sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 19/12/1999.

Thiền Thất:

- Một tuần thiền tập mùa hè dành cho beginners bắt đầu từ chủ nhật ngày 1 đến chủ nhật ngày 8 tháng 8.

- Ba tuần thiền thất mùa đông bắt đầu ngay sau Phật thất, từ ngày 26 tháng 12 năm 1999 đến ngày 16 tháng 1 năm 2000.

Hoa Nghiêm Pháp Hội

Cũng như mọi năm để kỷ niệm ngày Cố Lão Hòa Thượng viên tịch, Vạn Phật Thành đều tổ chức Pháp Hội Hoa Nghiêm, trong suốt 21 ngày chuyên trì tụng Kinh Hoa Nghiêm, bắt đầu từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều. **Năm nay, Pháp Hội bắt đầu từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 10 tháng 7.**

Lễ giỗ của Cố Lão Hòa Thượng sẽ cử hành vào ngày đầu tiên của Pháp Hội tức là vào chủ nhật **ngày 20 tháng 6.**

Vạn Phật Sám

Hàng năm, cứ vào mùa Xuân, Vạn Phật Thánh Thành có tổ chức lạy Sám Vạn Phật. Lễ Sám căn cứ vào Kinh Phật Thuyết Vạn Phật Danh.

Kinh Hoa Nghiêm dạy :

*Như Lai rất khó được thấy nghe
Chúng sanh ức kiếp mới đặng gặp.*

Thời Mạt Pháp, nghe được tên Phật, thấy được tượng Phật đã là nhân duyên thù thắng lắm. Nay nhờ Sám Vạn Phật, chúng ta sẽ được nghe, được đọc tụng, được lễ lạy, được cúng dường và được tán thán hơn mười ngàn đức Phật. Thật công hạnh nào thù thắng bằng ! Đức Phật vốn luôn hiện tiền, phóng hào quang gia bị cho chúng sanh. Chỉ bởi chúng ta phiền não, ngu ám, chẳng thành tâm nên chẳng tiếp xúc được từ quang của Ngài. Do đó trọng tâm của Sám Vạn Phật là để chúng ta, với phương pháp lễ lạy chư Phật, chân thành sám hối với tự tâm và với Phật về mọi lỗi lầm, ác nghiệp đã tạo. Đức Thế Tôn dạy rằng hễ ai cung kính, thành tâm lễ Phật thì vô lượng tội nghiệp tức thời tiêu diệt, vô biên phước đức đồng thời cụ túc.

Lễ Sám Vạn Phật sẽ kéo dài từ 1 đến 21 tháng 5. Kết thúc 3 tuần lễ sám là lễ Phật Đản.

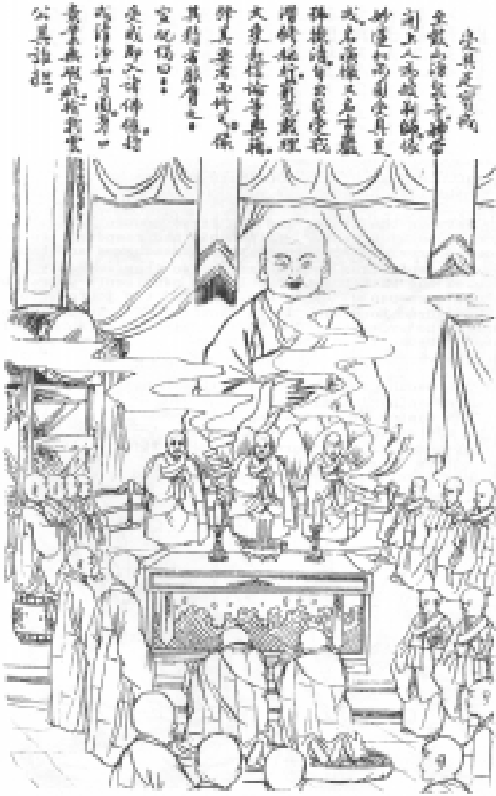
Lễ Tắm Phật (Phật Đản):

Sẽ cử hành vào thứ bảy ngày 22 tháng 5.

Những khóa tu hay Thất trên là cơ hội rất tốt để quý Phật tử chuyên tâm dụng công, là môi trường rất tốt để cho công phu được miên mật. Nếu muốn thêm chi tiết, xin liên lạc Vạn Phật Thành.

Hòa Thượng Hư Vân Họa Truyện

#16. Thọ Cụ Túc Bảo Giới



Đến được chùa Dũng Tuyên trên ngọn Cổ Sơn, Ngài liền lạy Thường-Khai Thượng Nhân làm Thầy và xuống tóc xuất gia. Ngài thọ Cụ-Túc Giới với Hòa Thượng Diệu-Liên; được đặt tên là Diễm-Triệt (giảng bày thông suốt) và Cổ-Nham (hang động xưa), hiệu là Đức-Thanh (đức hạnh thanh cao).

Sau khi xuất gia và thọ giới, Ngài sống đời ẩn dật, thâm lặng tu hành. Ngài nghiên cứu cặn kẽ các giáo lý trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận* cùng nhiều kinh điển khác, rồi học và ghi nhớ những điểm tinh túy, cốt tủy để noi theo.

Kệ tán của Hòa Thượng Tuyên-Hóa:

Thọ giới tức nhập chư Phật vị,
 Trì giới thanh tịnh như nguyệt viên,
 Thân khẩu ý nghiệp vô hà tỳ,
 Xả ngã Vân Công kỳ thù đảm?

Nghĩa là:

*Thọ giới liền vào ngôi vị Phật,
 Giữ giới thanh tịnh tựa trăng rằm,
 Thân khẩu ý nghiệp không tỳ vết,
 Chẳng Thầy Hư-Vân thì còn ai?*

Dharma Realm Buddhist Association *
Gold Sage Monastery
11455 Clayton Road
San Jose, CA 95127 - USA
Fax. (408) 923 - 1064

Non-Profit Org.
 US POSTAGE
PAID
 Long Beach, CA
 Permit No.432

To : _____

* Bờ Đề Hải phát hành mỗi 2 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay
 thỉnh báo xin thư về Gold Sage Monastery. Chi phiếu
 ủng hộ ấn tống, xin đề: DRBA/Vietnamese Account.